

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS U&I

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics U&I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Logistics U&I hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 3 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 3 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : +84 (0274) 3822 908
- Fax : +84 (0274) 3832 751

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan vận tải như: gửi hàng; sắp xếp, tổ chức hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; thu phát chứng từ vận tải và vận đơn, đại lý thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển và máy bay, bao gói hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất điện mặt trời;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp, chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, sợi dệt, bột giấy, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng, máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các dịch vụ liên quan;
- Thiết kế website;
- Xuất bản phần mềm.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Hữu Tín	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2021
Ông Lương Duy Hoài	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2021
Bà Mai Ngọc Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Ngọc Như	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024
Ông Hoàng Đăng Phước Bảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024
Ông Võ Quốc Hậu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024
Ông Trương Phúc Khải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Kim Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020
Bà Cao Thu Yến	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2023
Bà Đoàn Kim Phúc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoàng Thông	Giám đốc Khối Giao nhận nội địa	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024
	Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Giám đốc Khối Kho vận	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
		Miễn nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2025
Ông Tô Chiêu Bình	Giám đốc Khối Kinh doanh cước	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
	Giám đốc Khối Giao nhận Quốc tế	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
		Miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2024
Ông Bùi Hữu Nghĩa	Giám đốc Khối Phát triển nguồn nhân lực	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
	Giám đốc Khối Hành chính nhân sự	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh	Giám đốc Khối Hành chính quản trị	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Đức Tiến	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Phúc - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 4 năm 2025



Số: 1.1010/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics U&I (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 4 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics U&I tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phạm Mỹ Tuyên

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3596-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		241.998.499.872	205.897.601.636
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.389.033.813	24.241.976.418
1. Tiền	111		23.389.033.813	21.241.976.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.082.871.368	138.360.949.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	167.511.143.867	115.838.293.165
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	837.780.163	404.141.745
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	15.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.297.362.698	8.025.620.383
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(563.415.360)	(907.105.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		581.913.559	698.467.388
1. Hàng tồn kho	141	V.7	581.913.559	698.467.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.944.681.132	42.596.208.087
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.332.137.725	3.011.725.977
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.612.543.407	39.584.482.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		722.381.199.852	796.257.907.686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.319.601.159	10.564.161.159
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.319.601.159	10.564.161.159
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.314.041.667	73.214.517.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	64.287.013.909	73.141.155.948
- Nguyên giá	222		208.175.178.099	203.883.198.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.888.164.190)	(130.742.042.133)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	27.027.758	73.361.102
- Nguyên giá	228		2.864.513.285	2.864.513.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.837.485.527)	(2.791.152.183)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	108.810.070.726	134.135.765.242
- Nguyên giá	231		375.804.494.871	375.804.494.871
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(266.994.424.145)	(241.668.729.629)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.427.837.373	13.062.562.373
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.427.837.373	13.062.562.373
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		204.577.908.000	205.968.784.921
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	204.577.908.000	204.181.908.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(2.000.000.000)	(213.123.079)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		328.931.740.927	359.312.116.941
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	328.931.740.927	359.312.116.941
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		964.379.699.724	1.002.155.509.322

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		182.715.406.923	165.465.538.623
I. Nợ ngắn hạn	310		155.014.398.516	152.562.644.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	39.177.870.890	38.322.250.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	451.054.760	1.005.367.903
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.920.929.463	19.920.426.481
4. Phải trả người lao động	314	V.17	12.675.738.000	6.538.555.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.441.668.428	2.525.921.956
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	4.086.068.616	4.086.068.616
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a, c	43.781.830.282	29.188.548.892
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a, c	23.862.712.307	50.975.504.246
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	5.616.525.770	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.701.008.407	12.902.893.866
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	8.172.137.250	12.258.205.866
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b, c	4.530.371.157	644.688.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b, c	14.998.500.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		781.664.292.801	836.689.970.699
I. Vốn chủ sở hữu	410		781.664.292.801	836.689.970.699
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	720.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		720.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	1.000.000.000	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	60.664.292.801	236.689.970.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.689.970.699	236.689.970.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.974.322.102	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		964.379.699.724	1.002.155.509.322

Đoàn Kim Phúc
Kế toán trưởng/Người lập

Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	695.887.428.364	503.310.391.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		695.887.428.364	503.310.391.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	591.950.402.671	387.239.635.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.937.025.693	116.070.755.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.889.569.182	24.710.178.180
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.916.065.126	10.511.185.085
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.820.677.002	2.633.559.537
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	50.606.724.370	49.125.266.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.303.805.379	81.144.481.864
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.240.703.372	1.666.272.751
12. Chi phí khác	32	VI.7	459.007.484	2.218.846.196
13. Lợi nhuận khác	40		781.695.888	(552.573.445)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.085.501.267	80.591.908.419
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	19.511.179.165	18.995.178.842
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.574.322.102	61.596.729.577
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Đoàn Kim Phúc
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.085.501.267	80.591.908.419
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	39.447.325.344	40.498.047.008
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 13	1.443.186.731	(604.388.804)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	629.012.690	493.390.920
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(6.062.501.786)	(16.780.949.173)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.820.677.002	2.633.559.537
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.363.201.248	106.831.567.907
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.907.607.654)	(44.790.343.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		116.553.829	(390.729.115)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.283.115.171	(15.555.106.583)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29.059.964.266	(90.615.016.600)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(3.820.677.002)	(2.633.559.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(19.411.541.135)	(33.757.408.521)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.383.474.230)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.299.534.493	(80.910.595.632)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 12	(6.550.489.546)	(1.662.255.683)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.6	1.298.545.000	590.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4	15.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(396.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	5.555.413.147	16.070.656.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.907.468.601	(690.072)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a, b	178.343.923.215	149.229.997.076
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a, b	(190.458.215.154)	(98.254.492.830)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20a, 23	(63.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(75.114.291.939)</i>	<i>50.975.504.246</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(907.288.845)</i>	<i>(29.935.781.458)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>24.241.976.418</i>	<i>54.197.467.134</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>54.346.240</i>	<i>(19.709.258)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>23.389.033.813</i>	<i>24.241.976.418</i>



Đoàn Kim Phúc
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics U&I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: gửi hàng; sắp xếp, tổ chức hoạt động vận tải; đại lý vận tải hàng hóa; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý thủ tục hải quan; cho thuê và vận hành kho ngoại quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận tải U&I	158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	91,05%	91,05%	91,05%
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa - Cao su	Số 45 đường số 11, Khu phố 04, phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa	93,62%	93,62%	93,62%
Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I	158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Cung ứng dịch vụ cho thuê kho bãi và vận tải hàng hóa bằng đường bộ	98,00%	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc	Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Vận tải U&I – Miền Bắc	Tòa nhà Sài Gòn Bank, số 2, lô 3B, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	55,00%	55,00%	55,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Logistics U&I	Lô L, đường D5, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Logistics U&I	Tầng 10, Tòa nhà AP Tower, 518B Điện Biên Phủ, Phường 21, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 277 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 305 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà kho	10 - 20
Cơ sở hạ tầng	6

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	874.873.001	600.183.641
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.514.160.812	20.641.792.777
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	3.000.000.000
Cộng	23.389.033.813	24.241.976.418

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	7.290.923.133	4.905.593.474
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	5.667.434.705	4.582.405.050
Công ty Cổ phần Vận tải U&I	1.262.250.156	-
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa - Cao su	301.694.272	264.758.454
Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I	50.220.000	-
Công ty Cổ phần Trường Thành	9.324.000	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	-	35.507.661
Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	-	19.274.357
Công ty Cổ phần Vận tải U&I - Miền Bắc	-	3.647.952
Phải thu các khách hàng khác	160.220.220.734	110.932.699.691
Công ty TNHH Glory Oceanic Việt Nam	30.512.969.416	23.134.474.306
Công ty TNHH MTV Grand Wood Việt Nam	18.133.586.932	12.113.373.543
Các khách hàng khác	111.573.664.386	75.684.851.842
Cộng	167.511.143.867	115.838.293.165

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Viejetair Cargo	219.264.907	139.583.554
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Beegroup	218.261.500	-
Các nhà cung cấp khác	400.253.756	264.558.191
Cộng	837.780.163	404.141.745

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư U&I (là bên liên quan) vay với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay từ ngày 14 tháng 11 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty Cổ phần Đầu tư U&I đã hoàn trả khoản vay này vào tháng 3 năm 2024.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I (là bên liên quan) - lãi cho vay	291.986.302	-	119.383.562	-
Tạm ứng	60.985.855	-	376.341.616	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	158.088.789	-	436.801.796	-
Các khoản chi hộ	7.718.483.834	-	7.093.093.409	-
Các khoản phải thu khác	67.817.918	-	-	-
Cộng	8.297.362.698	-	8.025.620.383	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ thuê kho	1.244.000.000	-	9.463.560.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	1.075.601.159	-	1.100.601.159	-
Cộng	2.319.601.159	-	10.564.161.159	-

6. Nợ quá hạn

Công ty có các khoản phải thu khách hàng về tiền cung cấp dịch vụ đã quá hạn thanh toán, chi tiết như sau:

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Klaussner Furniture Industries Inc.		-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	3.023.685.165	2.116.579.615
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Toàn cầu Thiên Ân	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	931.476.575	652.033.602		-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Vietlink	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	390.912.120	273.638.484		-	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	555.662.503	388.963.752		-	-
Cộng		1.878.051.198	1.314.635.838		3.023.685.165	2.116.579.615

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	907.105.550	1.511.494.354
Hoàn nhập dự phòng	(343.690.190)	(604.388.804)
Số cuối năm	563.415.360	907.105.550

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	156.509.317	-	4.565.046	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	425.404.242	-	693.902.342	-
Cộng	581.913.559	-	698.467.388	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	131.447.532	423.525.958
Chi phí sửa chữa tài sản	74.287.500	399.269.098
Tiền thuê đất trả trước	1.185.252.612	1.141.143.175
Chi phí bảo hiểm	464.700.529	594.690.215
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.476.449.552	453.097.531
Cộng	4.332.137.725	3.011.725.977

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.042.316.136	8.593.316.715
Chi phí sửa chữa tài sản	9.022.649.955	20.044.136.519
Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên ⁽ⁱ⁾	54.930.896.394	56.777.313.090
Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Cái Mép ⁽ⁱⁱ⁾	263.485.169.229	273.124.696.761
Các chi phí trả trước dài hạn khác	450.709.213	772.653.856
Cộng	<u>328.931.740.927</u>	<u>359.312.116.941</u>

- (i) Quyền sử dụng thửa đất số 528, tờ bản đồ số 28, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Kho 10) được dùng đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).
- (ii) Công ty thuê đất để đầu tư xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí và nhà xưởng, kho cho thuê tại Khu công nghiệp Cái Mép, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	13.228.044.867	26.982.126.640	48.608.343.042	6.973.935.552	108.090.747.980	203.883.198.081
Mua trong năm	-	-	6.136.579.091	48.635.455	-	6.185.214.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(809.598.746)	-	-	(1.083.635.782)	(1.893.234.528)
Số cuối năm	<u>13.228.044.867</u>	<u>26.172.527.894</u>	<u>54.744.922.133</u>	<u>7.022.571.007</u>	<u>107.007.112.198</u>	<u>208.175.178.099</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.549.227.934	16.914.067.468	28.190.611.586	4.164.649.019	22.848.035.124	77.666.591.131
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.228.661.099	21.018.104.119	38.516.282.183	5.357.904.140	56.621.090.592	130.742.042.133
Khấu hao trong năm	383.940.852	2.061.330.328	4.367.399.641	728.415.373	6.534.211.290	14.075.297.484
Thanh lý, nhượng bán	-	(634.185.684)	-	-	(294.989.743)	(929.175.427)
Số cuối năm	<u>9.612.601.951</u>	<u>22.445.248.763</u>	<u>42.883.681.824</u>	<u>6.086.319.513</u>	<u>62.860.312.139</u>	<u>143.888.164.190</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.999.383.768	5.964.022.521	10.092.060.859	1.616.031.412	51.469.657.388	73.141.155.948
Số cuối năm	<u>3.615.442.916</u>	<u>3.727.279.131</u>	<u>11.861.240.309</u>	<u>936.251.494</u>	<u>44.146.800.059</u>	<u>64.287.013.909</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.864.513.285
Số cuối năm	2.864.513.285
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.725.513.285
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.791.152.183
Khấu hao trong năm	46.333.344
Số cuối năm	2.837.485.527
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	73.361.102
Số cuối năm	27.027.758
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà kho	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	366.112.576.083	9.691.918.788	375.804.494.871
Số cuối năm	366.112.576.083	9.691.918.788	375.804.494.871
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	685.493.021	9.691.918.788	10.377.411.809
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	231.976.810.841	9.691.918.788	241.668.729.629
Khấu hao trong năm	25.325.694.516	-	25.325.694.516
Số cuối năm	257.302.505.357	9.691.918.788	266.994.424.145
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	134.135.765.242	-	134.135.765.242
Số cuối năm	108.810.070.726	-	108.810.070.726

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà kho và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Kho ngoại quan 1	44.358.976.227	37.520.300.739	6.838.675.488
Kho ngoại quan 2	70.530.181.408	54.660.890.586	15.869.290.822
Kho ngoại quan 3	37.960.609.101	23.725.380.706	14.235.228.395
Kho ngoại quan 4	49.608.111.168	27.491.161.651	22.116.949.517
Kho ngoại quan 5	22.241.855.045	11.213.601.949	11.028.253.096
Kho ngoại quan 6	55.310.439.099	52.083.996.841	3.226.442.258
Kho ngoại quan 7	48.549.862.217	39.341.410.321	9.208.451.896
Kho ngoại quan 10	37.552.541.818	11.265.762.564	26.286.779.254
Cơ sở hạ tầng	9.691.918.788	9.691.918.788	-
Cộng	375.804.494.871	266.994.424.145	108.810.070.726

Kho ngoại quan 10 có giá trị còn lại theo sổ sách là 26.286.779.254 VND được dùng đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	186.500.000	6.136.579.091	(6.136.579.091)	(186.500.000)	-
Công trình xây dựng nhà xưởng, nhà kho tại Khu công nghiệp Cái Mép	12.876.062.373	652.675.000	-	(100.900.000)	13.427.837.373
Cộng	13.062.562.373	6.789.254.091	(6.136.579.091)	(287.400.000)	13.427.837.373

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	204.577.908.000	-	204.181.908.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải U&I ⁽ⁱ⁾	18.210.000.000	-	18.210.000.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa - Cao su ⁽ⁱⁱ⁾	95.206.558.000	-	95.206.558.000	-
Công ty Cổ phần Kho hàng hóa U&I ⁽ⁱⁱⁱ⁾	74.716.350.000	-	74.716.350.000	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc ^(iv)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải U&I - Miền Bắc ^(v)	5.445.000.000	-	5.049.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(213.123.079)
Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Cảng biển An Thới ^(vi)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(213.123.079)
Cộng	206.577.908.000	(2.000.000.000)	206.181.908.000	(213.123.079)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Công ty nắm giữ 1.821.000 cổ phiếu, tương đương 91,05% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải U&I.
- (ii) Công ty nắm giữ 2.187.670 cổ phiếu, tương đương 93,62% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa - Cao su.
- (iii) Công ty nắm giữ 3.822.004 cổ phiếu, tương đương 98,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kho hàng hóa U&I.
- (iv) Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu, tương đương 55,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc.
- (v) Trong năm Công ty đã mua thêm 39.600 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải U&I – Miền Bắc với giá mua là 396.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 544.500 cổ phiếu, tương đương 55,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải U&I – Miền Bắc (số đầu năm là 504.900 cổ phiếu, tương đương 51,00% vốn điều lệ).
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1791954091 ngày 16 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Cảng biển An Thới 2.000.000.000 VND, tương đương 13,33% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	213.123.079	213.123.079
Trích lập dự phòng bổ sung	1.786.876.921	-
Số cuối năm	2.000.000.000	213.123.079

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vận tải U&I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.100.101.960	29.700.000
Cổ tức được chia	5.521.650.201	13.230.346.324
Cước vận chuyển	73.275.132.356	72.494.478.841
Chi hộ	53.853.591.094	49.670.577.112
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.180.779.532	913.049.228
Cổ tức được chia	-	2.625.204.000
Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	279.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.981.573.972	5.775.944.998
Cước vận chuyển	990.736.540	358.816.364
Mua xe	4.260.000.000	754.545.455
Chi hộ	164.878.745	-
Công ty Cổ phần Vận tải U&I – Miền Bắc		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.316.320
Cước vận chuyển	3.700.000	975.472.222

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.404.116.764	20.113.347.336
Công ty Cổ phần Vận tải U&I	9.211.439.451	20.078.651.638
Công ty Cổ phần Gia Long Express	177.660.000	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	15.017.313	14.067.698
Công ty Cổ phần Vận tải U&I - Miền Bắc	-	20.628.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.773.754.126	18.208.903.634
Công ty Cổ phần Vận chuyển Bắc Trung Nam	9.232.442.479	3.078.760.306
Công ty TNHH MTV Thanh Tân Container	6.150.464.575	5.881.098.246
Các nhà cung cấp khác	14.390.847.072	9.249.045.082
Cộng	39.177.870.890	38.322.250.970

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Magnussen Home Furnishings Inc	433.673.079	958.486.862
Các khách hàng khác	17.381.681	46.881.041
Cộng	451.054.760	1.005.367.903

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.971.130.829	19.511.179.165	(19.411.541.135)	19.070.768.859
Thuế thu nhập cá nhân	949.295.652	5.726.492.430	(5.848.627.478)	827.160.604
Các loại thuế khác	-	154.000.784	(131.000.784)	23.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	169.670.000	(169.670.000)	-
Cộng	19.920.426.481	25.561.342.379	(25.560.839.397)	19.920.929.463

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế, hàng hóa xuất khẩu : 0%
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận nội địa, cho thuê kho và các dịch vụ khác ⁽¹⁾ : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.085.501.267	80.591.908.419
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	54.138.983.481	38.665.901.539
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.417.704.932)	(8.629.938.816)
Thu nhập chịu thuế	101.806.779.816	110.627.871.142
Thu nhập được miễn thuế	(5.521.650.201)	(15.855.550.324)
Thu nhập tính thuế	96.285.129.615	94.772.320.818
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.257.025.923	18.954.464.164
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	254.153.242	40.714.678
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.511.179.165	18.995.178.842

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động
Tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cước vận tải	3.094.607.085	162.040.924
Chi phí thuê đất	1.787.582.298	1.656.698.846
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	559.479.045	707.182.186
Cộng	5.441.668.428	2.525.921.956

19. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền thuê kho ngoại quan trả trước của Công ty TNHH Interwood Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Phải trả khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	8.438.073.600	1.837.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I - cổ tức phải trả	6.334.743.600	-
Cổ tức phải trả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	2.103.330.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	1.837.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	35.343.756.682	27.351.548.892
Nhận ký quỹ cho thuê kho ngắn hạn	18.717.170.653	26.180.496.565
Cổ tức phải trả	13.161.926.400	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.464.659.629	1.171.052.327
Cộng	43.781.830.282	29.188.548.892

20b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ cho thuê kho dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay**21a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	21.004.712.307	50.975.504.246
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	2.858.000.000	-
Cộng	23.862.712.307	50.975.504.246

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm các hoạt động đầu tư vào tài sản cố định với lãi suất vay được quy định theo từng khế ước vay, thời hạn vay 12 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Năm nay					
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.975.504.246	158.343.923.215	-	(188.314.715.154)	21.004.712.307
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.858.000.000	-	2.858.000.000
Cộng	50.975.504.246	158.343.923.215	2.858.000.000	(188.314.715.154)	23.862.712.307
Năm trước					
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	149.229.997.076	-	(98.254.492.830)	50.975.504.246
Cộng	-	149.229.997.076	-	(98.254.492.830)	50.975.504.246

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bù đắp chi phí tài chính đầu tư Dự án Kho ngoại quan Nam Tân Uyên (Kho 10) với lãi suất vay quy định theo từng kế ước, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (xem các thuyết minh số V.8b và V.11).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.858.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	11.432.000.000	-
Trên 5 năm	3.566.500.000	-
Cộng	17.856.500.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	20.000.000.000	-
Số tiền vay đã trả	(2.143.500.000)	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(2.858.000.000)	-
Số cuối năm	14.998.500.000	-

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.000.000.000	-
Chi quỹ	(1.383.474.230)	-
Số cuối năm	5.616.525.770	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	-	173.436.155.552	773.436.155.552
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	61.596.729.577	61.596.729.577
Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trích thừa các năm trước	-	-	1.657.085.570	1.657.085.570
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	-	236.689.970.699	836.689.970.699
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	-	236.689.970.699	836.689.970.699
Tăng vốn từ lợi nhuận năm nay	120.000.000.000	-	(120.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	36.574.322.102	36.574.322.102
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.000.000.000	(8.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(63.000.000.000)	(63.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm nay	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	720.000.000.000	1.000.000.000	60.664.292.801	781.664.292.801

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 600.000.000.000 VND lên 720.000.000.000 VND bằng phương thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:17 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 17 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ quản lý Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 về việc tăng vốn điều lệ lên 720.000.000.000 VND.

23b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	211.158.120.000	210.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tâm	80.000.000.000	-
Ông Võ Đình Ngọc	50.519.060.000	21.353.620.000
Ông Phạm Quốc Liêm	34.631.770.000	-
Ông Nguyễn Phúc Toàn	29.500.000.000	-
Bà Lê Thị Hằng	29.442.350.000	-
Ông Nguyễn Việt Cường	-	192.258.820.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Như	-	72.258.840.000
Các cổ đông khác	284.748.700.000	104.128.720.000
Cộng	720.000.000.000	600.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	72.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	72.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	72.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 như sau:

	VND
• Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phần thưởng cho cán bộ quản lý của Công ty	: 120.000.000.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 63.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 1.000.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 7.000.000.000

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với tỷ lệ 3% (tương ứng 300 VND/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 với tổng số tiền tạm ứng là 21.600.000.000 VND, thời gian thực hiện chi trả cổ tức từ ngày 22 tháng 01 năm 2025.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	27.343.643.999	39.948.400.570
Trên 1 năm đến 5 năm	97.651.980.248	155.592.195.429
Trên 5 năm	482.686.180.725	501.205.350.057
Cộng	607.681.804.972	696.745.946.056

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê văn phòng tại Tầng 10, Tòa nhà AP Tower, 518B Điện Biên Phủ, Phường 21, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến ngày 31 tháng 10 năm 2026.
- Tiền thuê văn phòng tại 16 Sông Thao, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 15 tháng 4 năm 2023 đến ngày 15 tháng 4 năm 2026.
- Tiền thuê văn phòng tại Khu dân cư 5A, ấp 5, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 01 tháng 7 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tiền thuê 5.665,88 m² kho tại Lô A Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê 10 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.
- Tiền thuê 62.050,2 m² đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê 50 năm tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2005.
- Tiền thuê 56.005,4 m² đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 08 tháng 5 năm 2007 đến ngày 24 tháng 10 năm 2054.
- Tiền thuê 174.683,2 m² đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 10 năm 2007 đến ngày 24 tháng 10 năm 2054.
- Tiền thuê văn phòng tại Tầng lửng 109A Dương Đình Nghệ, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2027.

24b. *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền của Công ty bao gồm 587.235,31 USD (số đầu năm là 641.647,84 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

1a. *Tổng doanh thu*

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	8.977.052.930	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	446.831.252.307	226.027.569.786
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	232.989.025.395	272.181.966.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.090.097.732	5.100.854.634
Cộng	695.887.428.364	503.310.391.250

1b. *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	4.158.000	4.680.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I	-	3.300.000
Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	34.248.600	44.398.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	7.077.927.661	6.095.908.759
Công ty Cổ phần Trường Thành	16.100.000	-

2. **Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	8.431.341.254	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	434.197.789.493	218.615.190.942
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	146.542.520.502	165.432.449.651
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2.778.751.422	3.191.995.129
Cộng	591.950.402.671	387.239.635.722

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.762.946	215.106.196
Lãi tiền cho vay	172.602.740	119.383.562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.521.650.201	15.855.550.324
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.161.553.295	8.520.138.098
Cộng	9.889.569.182	24.710.178.180

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.820.677.002	2.633.559.537
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.786.876.921	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.679.498.513	7.384.234.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	629.012.690	493.390.920
Cộng	7.916.065.126	10.511.185.085

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.861.114.174	27.116.478.868
Chi phí vật liệu quản lý	237.378.580	359.732.067
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.339.351.887	2.815.500.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.699.638.760	1.885.581.456
Thuế, phí và lệ phí	154.000.784	83.958.923
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(343.690.190)	(604.388.804)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.508.998.727	11.041.944.379
Chi phí bằng tiền khác	6.149.931.648	6.426.459.485
Cộng	50.606.724.370	49.125.266.759

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	334.485.899	590.909.091
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	688.500.000	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	912.914.811
Thu nhập khác	217.717.473	162.448.849
Cộng	1.240.703.372	1.666.272.751

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	203.859.595	14.564.772
Chi phí bồi thường	163.698.311	-
Chi phí thuế thu nhập cá nhân của người lao động	-	2.204.281.424
Chi phí khác	91.449.578	-
Cộng	459.007.484	2.218.846.196

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.583.264.067	3.175.792.452
Chi phí nhân công	78.907.529.214	68.439.340.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.447.325.344	40.498.047.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.276.902.675	313.153.471.182
Chi phí khác	18.642.266.387	11.484.415.771
Cộng	633.857.287.687	436.751.066.550

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	37.371.954.719	8.956.547.208
Trên 1 năm đến 5 năm	26.597.060.107	14.819.662.872
Cộng	63.969.014.826	23.776.210.080

Các khoản thanh toán cho tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền cho thuê kho ngoại quan với diện tích 3.000 m² tại Đường D6, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, thời hạn cho thuê 03 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.
- Tiền cho thuê kho ngoại quan tại Đường N2, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, thời hạn cho thuê 03 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.
- Tiền cho thuê kho ngoại quan với diện tích 9.774 m² và 4.000 m² tại Đường N13, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, thời hạn cho thuê 02 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Xuân Phúc		
Mượn tiền	-	5.000.000.000
Chia cổ tức bằng tiền	1.112.202.000	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	11.798.600.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	671.358.000	-
Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền		
Chia cổ tức bằng tiền	3.057.327.000	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	4.950.060.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	815.019.000	-
Ông Trương Phúc Khải		
Tạm ứng cổ tức năm 2024	2.436.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Linh		
Tạm ứng cổ tức năm 2024	2.070.900	-
Bà Cao Thu Yến		
Chia cổ tức bằng tiền	320.313.000	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	3.518.670.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	197.090.100	-
Ông Nguyễn Thanh Lâm		
Chia cổ tức bằng tiền	409.172.400	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	3.662.490.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	228.188.700	-
Ông Trần Hoàng Thông		
Chia cổ tức bằng tiền	174.043.800	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	1.281.860.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	88.195.800	-
Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh		
Chia cổ tức bằng tiền	173.056.800	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	280.330.000	-
Bà Đoàn Kim Phúc		
Chia cổ tức bằng tiền	206.325.000	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	1.334.050.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	98.971.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Hoàng Thông		
Tạm ứng	18.780.000.000	-
Ông Tô Chiêu Bình		
Tạm ứng	406.950.000	-
Ông Bùi Hữu Nghĩa		
Tạm ứng	40.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Mai Hữu Tín - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Xuân Phúc - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.643.664.000	505.691.000	120.000.000	3.269.355.000
Bà Mai Ngọc Hào - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	90.000.000	90.000.000
Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	118.000.000	118.000.000
Ông Trương Phúc Khải - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Linh - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	88.000.000	88.000.000
Bà Cao Thu Yến - Giám đốc tài chính	1.058.880.000	182.482.000	-	1.241.362.000
Ông Nguyễn Thanh Lâm - Giám đốc Khối Kho vận	1.250.880.000	197.478.000	-	1.448.358.000
Ông Trần Hoàng Thông - Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh	968.880.000	198.482.000	-	1.167.362.000
Ông Tô Chiêu Bình - Giám đốc Khối Giao nhận Quốc tế	1.135.680.000	61.067.000	-	1.196.747.000
Ông Bùi Hữu Nghĩa - Giám đốc Khối Hành chính nhân sự	878.880.000	167.641.000	-	1.046.521.000
Ông Nguyễn Quốc Cường - Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	512.680.000	4.800.000	-	517.480.000
Bà Đoàn Kim Phúc - Kế toán trưởng	878.880.000	167.640.000	-	1.046.520.000
Cộng	9.328.424.000	1.485.281.000	692.000.000	11.505.705.000

Năm trước

Ông Mai Hữu Tín - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	405.000.000	405.000.000
Ông Nguyễn Xuân Phúc - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.654.160.000	252.000.000	270.000.000	2.176.160.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Như - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	270.000.000	270.000.000
Ông Hoàng Đăng Phước Bảo - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	190.000.000	190.000.000
Ông Võ Quốc Hậu - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	270.000.000	270.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	216.000.000	216.000.000
Ông Trương Phúc Khải - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	216.000.000	216.000.000
Bà Cao Thu Yến - Giám đốc tài chính	485.160.000	46.500.000	90.000.000	621.660.000
Ông Trần Hoàng Thông - Giám đốc Khối Kho vận	461.960.000	45.000.000	125.000.000	631.960.000
Ông Tô Chiêu Bình - Giám đốc Khối Kinh doanh cước	944.987.000	64.000.000	-	1.008.987.000
Ông Trần Duy Khiêm - Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh	491.720.000	-	-	491.720.000
Ông Bùi Hữu Nghĩa - Giám đốc Khối Phát triển nguồn nhân lực	450.560.000	58.000.000	50.000.000	558.560.000
Bà Nguyễn Kim Hạnh - Giám đốc Khối Hành chính quản trị	409.360.000	58.000.000	-	467.360.000
Ông Nguyễn Quốc Cường - Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	475.760.000	59.000.000	-	534.760.000
Bà Đoàn Kim Phúc - Kế toán trưởng	405.960.000	58.000.000	50.000.000	513.960.000
Cộng	5.779.627.000	640.500.000	2.152.000.000	8.572.127.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Cổ đông sở hữu 29,33% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Vận tải U&I	Công ty con
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa - Cao su	Công ty con
Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải U&I - Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Mai và Cộng sự	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Lưới sợi Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gia Long Express	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần EZDO	Công ty có cùng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1a, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I		
Cho vay	-	15.000.000.000
Lãi cho vay	172.602.740	119.383.562
Chia cổ tức bằng tiền	22.050.000.000	-
Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	35.700.000.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2024	6.334.743.600	-
Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I		
Chi hộ	60.922.271	70.384.090
Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I		
Mua hàng hóa	3.063.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành		
Chi hộ	6.644.629.525	8.647.216.145
Công ty Cổ phần Gia Long Express		
Cước vận chuyển	234.500.000	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5a, V.14 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của dịch vụ cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê kho và vận hành kho.
- Lĩnh vực giao nhận: đại lý giao nhận và vận tải hàng hóa, đại lý thủ tục hải quan.
- Các lĩnh vực khác: bán điện năng lượng mặt trời, bán hàng hóa,...

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê kho và vận hành kho	Lĩnh vực giao nhận	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.989.025.395	446.831.252.307	16.067.150.662	695.887.428.364
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.989.025.395	446.831.252.307	16.067.150.662	695.887.428.364
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	86.446.504.893	12.633.462.814	4.857.057.986	103.937.025.693
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(50.606.724.370)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				53.330.301.323
Doanh thu hoạt động tài chính				9.889.569.182
Chi phí tài chính				(7.916.065.126)
Thu nhập khác				1.240.703.372
Chi phí khác				(459.007.484)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(19.511.179.165)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				36.574.322.102
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.441.419.953	4.682.206.525	168.362.704	7.291.989.182
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	39.703.537.989	28.400.433.430	2.282.089.573	70.386.060.993
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272.181.966.830	226.027.569.786	5.100.854.634	503.310.391.250
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.181.966.830	226.027.569.786	5.100.854.634	503.310.391.250
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	106.749.517.179	7.412.378.844	1.908.859.505	116.070.755.528
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(49.125.266.759)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.945.488.769
Doanh thu hoạt động tài chính				24.710.178.180
Chi phí tài chính				(10.511.185.085)
Thu nhập khác				1.666.272.751
Chi phí khác				(2.218.846.196)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(18.995.178.842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				61.596.729.577

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê kho và vận hành kho	Lĩnh vực giao nhận	Các lĩnh vực khác	Cộng
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.707.226.587	2.248.157.192	50.735.064	5.006.118.843
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	42.342.034.753	17.160.352.330	1.702.203.677	61.204.590.761
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê kho và vận hành kho	Lĩnh vực giao nhận	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	175.386.085.267	153.473.703.959	337.015.409	329.196.804.635
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				635.182.895.089
Tổng tài sản				964.379.699.724
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	58.623.114.317	22.515.435.181	-	81.138.549.498
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				101.576.857.425
Tổng nợ phải trả				182.715.406.923
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.509.143.137	98.886.583.122	1.055.235.904	307.450.962.163
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				694.704.547.159
Tổng tài sản				1.002.155.509.322
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	53.128.007.011	29.263.891.102	841.922.028	83.233.820.141
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				82.231.718.482
Tổng nợ phải trả				165.465.538.623

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Đoàn Kim Phúc
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc